

Huyện T, ngày 25 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số 445/2017/TLST/HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: **Chị Lê Thị T, sinh năm 1985**

Nơi ĐKNKTT: Thôn N, xã L, huyện T1, thành phố H.

Chỗ ở: thôn X, xã K, huyện T2, thành phố H.

Bị đơn: **Anh Vũ Văn B, sinh năm 1983**

Nơi ĐKNKTT + chỗ ở: Thôn N, xã L, huyện T1, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27; Điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lê Thị T và anh Vũ Văn B

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về con chung:** Anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Minh C, sinh ngày 17/12/2004 và cháu Vũ Minh H, sinh ngày 08/11/2009. Giao cháu Vũ Minh C cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Vũ Minh H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T, anh B có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Dành quyền cấp dưỡng nuôi con để giải quyết bằng một vụ án khác khi chị T và anh B có yêu cầu.

* **Về tài sản chung, nhà ở và công nợ:** Anh chị không có tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* **Về án phí:** Chị Lê Thị T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T1 theo biên lai số 08631 ngày 24/11/2017. Hoàn trả chị T 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Anh Đoàn